

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2018/HS-ST
Ngày 01-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Doãn Thị Lệ

2. Bà Đoàn Thị Bích Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Yên-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hóa-Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Bùi Xuân D, sinh năm 1991 tại Bình Định.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 17, phường Hội T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Chí T và bà Đinh Thị L; bị cáo có vợ là Trịnh Như Q và có 01 con sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 11/6/2008, bị cáo bị xét xử về tội “Cướp giật tài sản” và xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 52 tháng 20 ngày; ngày 22 tháng 11 năm 2010, bị cáo bị Ủy ban nhân dân thành phố P ra quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 24 tháng. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/11/2017 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Đặng Thị Diễm T, sinh năm 1979; địa chỉ: Số nhà 103, đường Phùng Hưng, tổ 17, phường Hội T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Hoàng Hồng P, sinh năm 2005; địa chỉ: Số nhà 103, đường Phùng Hưng, tổ 17, phường Hội T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Ông Bùi Chí T, sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ 17, phường Hội T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc khoảng 13 giờ 30 phút ngày 01/11/2017, Bùi Xuân D điều khiển xe mô tô biển số 81B1-345.02 đi trên đường Phùng H theo hướng đi ra đường Lê Lợi. Khi đi ngang qua nhà chị Đặng Thị Diễm T tại số 103 đường Phùng Hưng, tổ 17, phường Hội T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thấy cửa cổng mở, có cháu Hoàng Hồng P đang ngồi chơi trên thềm trước nhà nên D nảy sinh ý định vào nhà chị T để chiếm đoạt tài sản. Sau đó, D dừng xe mô tô ngoài đường và vắn đề nổ máy rồi đi bộ vào nhà thấy cháu Ph đang cầm trên tay chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime của chị T. Lúc này, D đi đến giả vờ hỏi cháu Ph: “Đây có phải nhà chú Hùng không?” và nhìn vào trong nhà không thấy có ai, Ph trả lời không phải. Ngay lúc này, D đi đến dùng tay giật chiếc điện thoại cháu Ph đang cầm trên tay rồi chạy ra ngoài lên xe để tẩu thoát thì bị cháu Ph đuổi đến. D dùng chân để gạt chân chống xe thì trúng vào người cháu Ph làm cháu Ph ngã xuống đường, D điều khiển xe chạy thoát. Khi chị T về, cháu Ph nói với chị T biết sự việc nên chị T đã làm đơn trình báo Công an phường Hội T. Ngày 11/11/2017, Bùi Xuân D đến Công an phường Hội T đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên và giao nộp chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime đã chiếm đoạt. Sau đó, Công an phường Hội T đã chuyển Bùi Xuân D, hồ sơ vụ án cùng tang vật đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã thu giữ chiếc xe mô tô biển số 81B1-345.02 mà bị cáo D đã sử dụng đi thực hiện hành vi phạm tội.

Qua định giá, kết luận: Chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime có giá trị là 3.000.000đ.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, bị cáo đồng ý với kết luận giám định và không có ý kiến gì khác.

Tại bản cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Bùi Xuân D về tội “Cướp giật tài sản” theo Khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Bùi Xuân D và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 171; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Bùi Xuân D với mức án tù 18 tháng đến 24 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Do bị cáo Bùi Xuân D có điều kiện hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Bùi Xuân D phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng, phù hợp với kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 01/11/2017, tại số nhà 103, đường Phùng Hưng, tổ 17, phường Hội T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Bùi Xuân D đã có hành vi công khai giật chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime có giá trị là 3.000.000đ trên tay cháu Hoàng Hồng P rồi nhanh chóng tẩu thoát.

Tại Khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”.

Hành vi công khai giật tài sản của người khác rồi nhanh chóng tẩu thoát như đã nêu trên của bị cáo Bùi Xuân D là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Tài sản mà bị cáo Bùi Xuân D đã chiếm đoạt có giá trị là 3.000.000đ nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Cướp giật tài sản” theo Khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo Bùi Xuân D phải bị xử lý nghiêm của pháp luật tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do bị cáo gây ra nhằm răn đe giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung đối với tội phạm. Tuy nhiên, để quyết định hình phạt đối với bị cáo, ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nêu trên thì cần phải xem xét những yếu tố liên quan đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các yếu tố khác có liên quan nhằm cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt, trên cơ sở xem xét đề nghị luận tội của cơ quan công tố, cụ thể:

Về nhân thân: Bị cáo Bùi Xuân D chưa có tiền án, tiền sự nhưng xét về nhân thân, ngày 11/6/20008, bị cáo bị xét xử về tội “Cướp giật tài sản” và xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 52 tháng 20 ngày; ngày 22 tháng 11 năm 2010, bị cáo bị Ủy ban nhân dân thành phố P ra quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 24 tháng.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thực sự thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội và thể hiện thái độ ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội, bị cáo Bùi Xuân D đã đến Cơ quan Công an đầu thú và nộp lại tài sản đã chiếm đoạt để trả lại cho người bị hại, hiện bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm và đã làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có con còn nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo để tạo điều kiện cho bị cáo rèn luyện, cải tạo bản thân thành công dân có ích cho xã hội và sớm có cơ hội hòa nhập cuộc sống cộng đồng.

Hình phạt bổ sung: Do bị cáo Bùi Xuân D có điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về dân sự: Sau khi nhận lại chiếc điện thoại trên, bị hại Đặng Thị Diễm T không có yêu cầu bồi thường gì thêm, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về vật chứng vụ án:

Đối với chiếc xe mô tô biển số 81B1-345.02, qua điều tra xác định: Chủ sở hữu của chiếc xe mô tô này là ông Bùi Chí T đã cho bị cáo D mượn đi công việc riêng. Việc D dùng chiếc xe mô tô này làm phương tiện đi thực hiện hành vi phạm tội thì ông Trung không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại cho ông Trung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về án phí: Bị cáo Bùi Xuân D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Xuân D phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.
2. Về hình phạt:

Áp dụng Khoản 1 Điều 171; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Bùi Xuân D 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (11/11/2017).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử buộc bị cáo Bùi Xuân D phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bùi Chí T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng đối với bị hại Đặng Thị Diễm T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cháu Hoàng Hồng P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSPA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Rmah HThuyên